

Trang: [1/19]

STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trưởng	Nguyên vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện								HT RL	Ưu Tiên	Điểm U.T	Tổng điểm xét	Ghi chú				
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6		7		8		9										
1	310029	Trần Quốc Bảo		02/10/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		2.50	2.00	0.80	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	20.30	Không chế
2	310030	Trần Thái Bảo		14/11/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.25	1.00	1.50	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	20.75	Không chế
3	310031	Lâm Thế Bảo		06/03/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		3.50	3.00	3.40	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	27.90	
4	310032	Chiêm Dữ Bình		08/08/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		4.00	2.00	2.20	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0	25.20	
5	310033	Võ Lý Bình		09/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.75	2.50	1.30	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			28.55	Không chế
6	310034	Nguyễn Thanh Bình		15/07/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.75	3.00	1.40	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	23.15	Không chế
7	310035	Trịnh Thanh Bình		20/04/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	TPST		7.00	4.25	3.20	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0	TS1	1.0	34.45	
8	310036	Ong Tú Bội	x	27/11/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		8.00	3.00	1.60	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	33.60	
9	310037	Trang Tân Bửu		22/01/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.50	2.00	2.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	K	4.0	17.5	TS1	1.0	27.00	
10	310038	Nguyễn Thị Diệu Cẩm	x	27/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.75	2.25	2.50	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	15.0			23.50	
11	310039	Khru Bảo Châu	x	07/10/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.75	3.50	3.80	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	15.0	TS1	1.0	28.05	
12	310040	Trần Kiên Ngọc Châu	x	31/07/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		5.00	2.25	2.20	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	27.45	
13	310041	Trần Minh Châu		27/07/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.00	2.50	2.70	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	15.0			25.20	
14	310042	Mã Ngọc Châu	x	05/05/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.00	2.25	3.40	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	29.65	
15	310043	Nguyễn Ngọc Châu	x	16/01/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.75	1.25	2.10	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	15.0	TS1	1.0	23.10	Không chế
16	310044	Trần Ngọc Châu	x	30/01/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		4.25	1.50	1.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	15.0	TS1	1.0	22.75	Không chế
17	310045	Trần Thị Bích Châu	x	30/04/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.00	1.50	2.70	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	29.20	
18	310046	Ong Mền Chủ		24/10/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		7.50	6.25	3.50	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	38.25	
19	310047	Lâm Sen Cui		02/10/2008	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		3.75	3.00	5.70	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	15.0	TS1	1.0	28.45	
20	310048	Thái Danh		11/06/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.25	3.75	3.40	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	30.40	
21	310049	Hồ Ngọc Diễm	x	08/02/2007	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	KH		6.50	3.25	4.60	K	T	4.5	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5	TS1	1.0	33.85	
22	310050	Tăng Thái Diệp		10/05/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.00	7.75	4.00	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	38.75	
23	310051	Thạch Thanh Dũng		03/07/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		4.00	2.25	1.70	TB	K	3.0	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	13.5	TS1	1.0	22.45	
24	310052	Nguyễn Thiên Dung	x	06/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		5.50	5.25	3.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			31.75	
25	310053	Thạch Trí Dũng		19/11/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		5.00	3.00	2.50	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	29.50	
26	310054	Trương Nguyễn Thùy Dươ	x	15/04/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	PVH		8.00	6.25	9.50	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			43.75	
27	310055	Nguyễn Phạm Thùy Dươn	x	07/04/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.75	8.00	9.40	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			45.15	
28	310056	Đặng Quốc Dương		14/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		0.00	0.00	0.00	TB	K	3.0	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	13.5				Không chế

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL + Ưu tiên
Điều kiện: Min(Văn, Toán, Anh) >= 1.5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có.....chỗ sửa
Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
.....
Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 06 năm 2024

Sóc Trăng, ngày tháng 06 năm 2024

Những người đọc và kiểm tra

Phụ trách máy tính

(Họ tên và ký)

1)Lâm Quang Khải

2)Trương Giang Đông

Hồ Hưng Phát

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

NGUYỄN MINH HOÀNG

Trang: [3/19]

STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trường	Nguyễn vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện												HT RL	Ưu Tiên	Điểm U'T	Tổng điểm xét	Ghi chú
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6			7			8			9							
1	310085	Nguyễn Quang Hà		17/03/2009	Nghệ An	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.00	7.50	4.70	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			37.20	
2	310086	Thạch Thị Thu Hà	x	25/04/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		2.25	2.25	1.80	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	21.30	
3	310087	Lý Quang Hải		14/12/2007	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.25	4.00	2.90	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	19.5	TS1	1.0	31.65	
4	310088	Ngô Ngọc Hân	x	10/02/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		5.25	3.75	2.10	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	VS1	1.0	32.10	
5	310089	Nguyễn Ngọc Thanh Hân	x	19/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.75	3.00	2.70	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	26.45	
6	310090	Kim Thị Diễm Hằng	x	16/12/2008	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		2.50	3.25	2.80	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	26.55	
7	310091	Thạch Thị Thu Hằng	x	30/12/2009	Bạc Liêu	Khmer	TH, THCS và THPT iSchool Sóc Trăng			NK	LH		7.75	3.25	3.00	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5	TS1	1.0	33.50	
8	310092	Lý Gia Hào		25/10/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.75	3.25	5.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	31.00	
9	310093	Trần Lai Gia Hào		05/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.00	3.75	3.60	G	T	5.0	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5			30.85	
10	310094	Lâm Nhật Hào		16/07/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.25	4.00	4.00	K	K	4.0	K	K	4.0	K	K	4.0	K	K	4.0	16.0			28.25	
11	310095	Phạm Phước Hào		07/10/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.50	1.50	2.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	K	3.0	TB	T	3.5	13.5	VS1	1.0	21.50	
12	310096	Sơn Trí Hào		14/12/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		1.75	2.25	1.50	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	K	3.0	K	T	4.5	15.5	TS1	1.0	22.00	
13	310097	Vương Vỹ Hào		14/11/2007	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		2.00	3.50	3.40	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0	25.90	
14	310098	Nguyễn Hoài Hậu		28/10/2009	Thành phố Cần Thơ	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.25	1.75	1.50	TB	T	3.5	TB	K	3.0	TB	T	3.5	TB	K	3.0	13.0			19.50	
15	310099	Trần Diệu Hiền	x	11/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.75	4.00	5.70	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0			29.45	
16	310100	Ong Mỹ Hiền	x	14/12/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		3.25	2.00	2.60	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	25.85	
17	310101	Huỳnh Thanh Hiền	x	07/09/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		4.75	4.00	3.10	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	29.85	
18	310102	Thạch Thị Kim Hiền	x	29/03/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.00	2.00	5.10	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	28.10	
19	310103	Thạch Thị Thu Hiền	x	23/11/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.50	2.25	3.50	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0			27.25	
20	310104	Ong Tuấn Hiền		17/05/2009	Cà Mau	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.25	2.50	4.00	K	K	4.0	TB	K	3.0	TB	K	3.0	K	K	4.0	14.0	TS1	1.0	24.75	
21	310105	Dương Văn Hiền		21/04/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		2.00	0.00	2.20	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	19.20	Không chế
22	310106	Huỳnh Chí Hiếu		08/09/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.50	1.75	2.30	TB	K	3.0	TB	K	3.0	TB	K	3.0	TB	K	3.0	12.0	VS1	1.0	20.55	
23	310107	Sơn Minh Hiếu		24/07/2008	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.75	3.75	2.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	26.10	
24	310108	Nguyễn Ngọc Hiếu		19/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Phường 2			NK	VH		4.00	1.75	2.50	G	T	5.0	K	T	3.0	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	VS1	1.0	26.25	
25	310109	Võ Thanh Hiếu		05/01/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.75	8.25	6.90	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			42.90	
26	310110	Nguyễn Trung Hiếu		17/12/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.25	2.75	2.90	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5			28.40	
27	310111	Phạm Gia Hòa		16/07/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		6.00	3.50	3.80	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	32.30	
28	310112	Dương Thị Ngọc Hoa	x	17/01/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		6.25	5.00	5.00	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	36.75	

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL +Ưu tiên
Điều kiện: Min(Văn, Toán, Anh) >= 1.5

Những người đọc và kiểm tra

(Họ tên và ký)

1)Lâm Quang Khải

2)Trương Giang Đông

Phụ trách máy tính

Hồ Hưng Phát

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có.....chỗ sửa
Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
.....
Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

NGUYỄN MINH HOÀNG

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 06 năm 2024

Sóc Trăng, ngày tháng 06 năm 2024

Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

Trang: [4/19]

SỞ GD-ĐT TỈNH SÓC TRĂNG							BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM										Phòng thi: 6															
HỘI ĐỒNG CHẤM THI TUYỂN SINH 10							Trường THPT Nguyễn Khuyến																									
Khóa thi ngày 01/06/2024																																
STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trường	Nguyễn vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện								HT RL	Ưu Tiên	Điểm U'T	Tổng điểm xét	Ghi chú				
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6		7		8		9										
1	310141	Trần Nhật Huỳnh	x	13/02/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.25	3.50	2.50	K	T	4.5	K	K	4.0	K	T	4.5	K	K	4.0	17.0	TS1	1.0	27.25	
2	310142	Trần Thị Ngọc Huỳnh	x	18/04/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		5.00	3.00	2.50	K	T	4.5	TB	K	3.0	K	T	4.5	K	T	4.5	16.5			27.00	
3	310143	Trần Bách Hỷ		16/08/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		4.50	5.75	2.20	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	31.45	
4	310144	Nguyễn Văn Kết		26/05/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		7.25	5.50	5.50	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5			37.75	
5	310145	Lâm Chí Khả		30/09/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.00	2.75	3.00	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5			30.25	
6	310146	Hà Sóc Kha	x	29/05/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.75	3.00	2.60	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5	TS1	1.0	29.85	
7	310147	Phạm Văn Khá		23/05/2008	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		0.00	0.00	0.00	K	T	4.5	Y	T	2.5	K	T	4.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0		Không chế
8	310148	Lâm Kim Khai		19/12/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	LH		5.50	2.75	2.60	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	29.85	
9	310149	Lâm Chấn Khang		29/11/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		2.50	0.50	2.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	K	3.0	TB	T	3.5	13.5	TS1	1.0	20.10	Không chế
10	310150	Châu Minh Khang		30/04/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		6.00	4.00	2.70	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0	TS1	1.0	32.70	
11	310151	Tiêu Nhật Khang		10/07/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.00	4.25	2.20	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	29.45	
12	310152	Lâm Tấn Khang		16/07/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		3.00	3.50	2.20	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	27.70	
13	310153	Nguyễn Thái Khang		15/01/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	MTT		5.50	4.25	2.80	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	31.55	
14	310154	Nguyễn Tuấn Khang		21/09/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.00	1.75	1.40	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0			20.15	Không chế
15	310155	Lê Văn Khang		09/03/2008	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.75	2.00	1.80	TB	T	3.5	TB	K	3.0	K	T	4.5	K	T	4.5	15.5			23.05	
16	310156	Dương Vũ Khang		07/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		4.50	2.00	3.60	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	17.0			27.10	
17	310157	Nguyễn Vương Khang		12/09/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.75	4.00	3.80	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	17.5	TS1	1.0	30.05	
18	310158	Nguyễn Hoàng Khanh		14/06/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.50	2.25	3.70	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			27.45	
19	310159	Thạch Quốc Khánh		16/04/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		2.75	0.50	4.20	TB	K	3.0	TB	T	2.5	TB	T	3.5	TB	K	3.0	12.0	TS1	1.0	20.45	Không chế
20	310160	Trương Quốc Khánh		19/10/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		1.75	3.50	4.80	TB	K	3.0	TB	K	3.0	K	K	4.0	K	K	4.0	14.0	TS1	1.0	25.05	
21	310161	Nguyễn Bá Khiêm		08/07/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.00	2.75	3.30	TB	T	3.5	TB	K	3.0	TB	T	3.5	K	T	4.5	14.5			26.55	
22	310162	Nguyễn Trọng Khiêm		21/09/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.00	1.75	2.90	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			25.65	
23	310163	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa		13/01/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.50	4.00	6.50	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0			30.00	
24	310164	Tổng Nhật Khoa		20/12/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.00	3.75	4.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	27.35	
25	310165	Lê Tấn Đăng Khoa		18/05/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		6.00	6.00	6.90	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			38.90	
26	310166	Võ Trần Đăng Khoa		01/01/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	NT		4.75	4.50	4.70	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	K	T	4.5	18.5			32.45	
27	310167	Trịnh Duy Khôi		15/08/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	LH		4.75	4.00	5.20	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	K	4.0	17.5	TS1	1.0	32.45	
28	310168	Huỳnh Đăng Khôi		29/08/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.50	5.75	8.30	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	40.55	

</

STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trường	Nguyên vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện												HT RL	Ưu Tiên	Điểm ƯT	Tổng điểm xét	Ghi chú
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6			7			8			9							
1	310169	Thái Đăng Khôi		11/07/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.00	5.25	8.00	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			40.25	
2	310170	Trần Đăng Khôi		06/06/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	HT		5.25	4.50	3.90	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			31.65	
3	310171	Đặng Văn Khôi		20/02/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		5.00	1.50	2.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	17.0			25.50	
4	310172	Trần Bửu Kiểm		19/08/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.25	2.25	1.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	15.0	VS1	1.0	23.10	
5	310173	Trần Hiếu Kiệt		09/10/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		5.00	5.75	5.20	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	19.5	TS1	1.0	36.45	
6	310174	Nguyễn Huỳnh Gia Kiệt		25/06/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	NT		6.25	1.50	1.80	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	G	T	5.0	16.5			26.05	
7	310175	Lâm An Kỳ		02/11/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		6.25	5.25	4.60	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	36.60	
8	310176	Ngô Anh Kỳ		08/03/2009	Đồng Tháp	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		7.25	7.00	7.90	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	19.0	VS1	1.0	42.15	
9	310177	Lý Gia Lạc		04/08/2009	Vĩnh Long	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		5.50	3.50	3.40	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.5	TS1	1.0	31.90	
10	310178	Triệu Gia Lạc		28/03/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		7.00	4.50	4.40	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	17.5	TS1	1.0	34.40	
11	310179	Huỳnh Thị Mỹ Lai	x	21/10/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.75	2.75	1.70	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0	TS1	1.0	29.20	
12	310180	Lý Băng Lâm	x	03/10/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.50	2.00	3.90	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0	TS1	1.0	30.40	
13	310181	Sơn Hoài Trúc Lam	x	18/09/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.00	3.50	2.50	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	27.00	
14	310182	Thạch Thị Mỹ Lệ	x	04/08/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		5.75	4.00	3.50	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	32.25	
15	310183	Lý Thị Li Li	x	15/05/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Tân			NK	LH		5.00	3.25	3.90	G	T	5.0	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	32.65	
16	310184	Trần Hiếu Liêm		08/09/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.75	7.00	5.10	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	37.85	
17	310185	Trần Ái Linh	x	02/11/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	LH		5.00	4.25	6.40	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	36.15	
18	310186	Nguyễn Hiểu Linh	x	19/09/2009	Bạc Liêu	Kinh	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.00	4.25	1.80	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	19.5			29.55	
19	310187	Trịnh Khiết Linh	x	26/10/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.50	6.75	6.10	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.0	TS1	1.0	40.35	
20	310188	Lâm Mỹ Linh	x	24/04/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		3.00	1.00	2.00	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0	23.00	Không chế
21	310189	Lý Thị Linh	x	25/05/2008	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.00	3.25	4.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	30.25	
22	310190	Khuư Tô Linh	x	16/10/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.50	4.50	4.50	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	35.50	
23	310191	Châu Yến Linh	x	09/09/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.00	5.25	4.20	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	37.45	
24	310192	Lâm Thị Siêu Ló	x	24/05/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.50	1.75	2.00	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0	25.25	
25	310193	Nguyễn Thị Bích Loan	x	26/10/2008	Sóc Trăng	Kinh	THCS Phường 2			NK	VH		6.25	4.00	6.70	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	VS1	1.0	37.95	
26	310194	Trần Hữu Lộc		28/08/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.25	3.00	5.60	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	30.85	
27	310195	Điều Kha Lộc		22/01/2009	Tây Ninh	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.50	2.75	5.00	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	19.0	VS1	1.0	34.25	
28	310196	Thị Đại Lợi		28/05/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		6.25	6.25	5.80	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			38.30	

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL + Ưu tiên
Điều kiện: $\text{Min}(\text{Văn}, \text{Toán}, \text{Anh}) \geq 1.5$

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có.....chỗ sửa
 Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:

 Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 06 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

Sóc Trăng, ngày tháng 06 năm 2024

Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

Những người đọc và kiểm tra

(Họ tên và ký)

- 1)Lâm Quang Khải
- 2)Trương Giang Đông

Phụ trách máy tính

Hồ Hưng Phát

NGUYỄN MINH HOÀNG

Trang: [8/19]

Trang: [10/19]

Trang: [11/19]

STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trường	Nguyễn vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện												HT RL	Ưu Tiên	Điểm U.T	Tổng điểm xét	Ghi chú
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6			7			8			9							
1	310337	Hứa Văn Quý		24/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		0.00	0.00	0.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	15.0	VS1	1.0		Không chế
2	310338	Lai Ngọc Quyền	x	04/01/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		6.00	3.00	2.40	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			29.40	
3	310339	Trần Phương Quyên	x	01/09/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Lê Quý Đôn			NK	KH		4.50	4.00	2.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	26.10	
4	310340	Lâm Thảo Quyên	x	25/04/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		7.50	6.75	5.60	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	40.85	
5	310341	Son Thị Cẩm Quyên	x	15/10/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.75	3.00	6.20	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	32.95	
6	310342	Vương Tôn Quyền		11/06/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		6.50	6.00	5.20	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	38.70	
7	310343	Châu Tuyết Quyên	x	30/05/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.00	2.50	2.80	TB	K	3.0	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	13.5			23.80	
8	310344	Nguyễn Đình Quyết		30/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.25	3.25	2.80	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			28.30	
9	310345	Lê Nguyễn Linh Quỳnh	x	24/10/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.50	4.75	7.40	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			37.65	
10	310346	Trần Như Quỳnh	x	27/07/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.75	4.25	6.10	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5			35.60	
11	310347	Thạch Thị Như Quỳnh	x	09/11/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.50	2.75	1.80	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	25.05	
12	310348	Thạch Vi Rés		10/01/2009	Sóc Trăng	khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		2.00	2.00	0.90	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	21.90	Không chế
13	310349	Thạch Vi Rét		24/03/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.25	0.50	3.30	K	K	4.0	K	K	4.0	K	T	4.5	K	K	4.0	16.5	TS1	1.0	24.55	Không chế
14	310350	Diệp Bô Rích		03/01/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		2.75	2.00	3.40	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	26.15	
15	310351	Triệu Na Rinh		09/02/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		2.00	1.00	0.90	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	15.0	TS1	1.0	19.90	Không chế
16	310352	Lý Thị Na Ry	x	04/09/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.75	2.75	1.30	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	26.80	Không chế
17	310353	Son Thị Na Ry	x	24/11/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		3.00	3.00	2.70	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	27.70	
18	310354	Tạ Siêu Sang	x	14/07/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		3.75	0.25	2.40	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	23.40	Không chế
19	310355	Trần Thế Sang		30/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		5.00	5.50	6.50	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			35.00	
20	310356	Trần Kim Sân		22/08/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Phường 2			NK	VH		5.00	2.75	5.30	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	30.05	
21	310357	Dương Yều Sân	x	20/09/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.50	3.50	2.40	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	29.40	
22	310358	Trần Sịn		03/12/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		3.00	1.75	3.40	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	23.15	
23	310359	Lâm Thị Muối Sòal	x	05/06/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		4.00	3.00	2.40	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	28.40	
24	310360	Trần Bảo Sơn		28/01/2009	Thành phố Cần Thơ	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		5.00	4.00	2.60	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	K	3.0	14.5	TS1	1.0	27.10	
25	310361	Trần Chí Tài		18/01/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	KH		5.75	4.50	5.50	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	36.75	
26	310362	Phạm Đức Tài		23/04/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.75	6.50	6.70	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			38.95	
27	310363	Trang Đức Tài		28/02/2009	Bạc Liêu	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	KH		5.00	3.00	3.60	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	30.60	
28	310364	Nguyễn Thanh Chí Tài		24/05/2008	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		5.25	4.00	3.50	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			30.75	

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL +Ưu tiên
Điều kiện: Min(Văn, Toán, Anh) >= 1.5

Những người đọc và kiểm tra

(Họ tên và ký)

1)Lâm Quang Khải

2)Trương Giang Đông

Phụ trách máy tính

Hồ Hưng Phát

Bảng này có.....chỗ sửa
Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:
.....
Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:
.....

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

NGUYỄN MINH HOÀNG

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 06 năm 2024

Sóc Trăng, ngày tháng 06 năm 2024

Trang: [13/19]

Trang: [14/19]

Trang: [15/19]

Trang: [16/19]

STT	SBD	Họ Tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HS Trưởng	Nguyên vọng					Điểm k.chuyên			Học tập - rèn luyện								HT RL	Ưu Tiên	Điểm U.T	Tổng điểm xét	Ghi chú				
								Chuyên	Chuyên	THPT 1	THPT 2	DTNT	Văn	Toán	Anh	6		7		8		9										
1	310449	Lưu Phương Trang	x	30/07/2009	Bình Dương	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		2.50	0.50	2.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0			19.00	Không chế
2	310450	Lý Thị Bích Trang	x	30/10/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Phường 2			NK	VH		2.75	2.00	2.00	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	24.75	
3	310451	Nguyễn Trần Huyền Trang		07/07/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.25	3.00	3.50	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	VS1	1.0	31.75	
4	310452	Trương Hán Trí		01/02/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	KH		5.50	4.00	2.00	K	K	4.0	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.5	TS1	1.0	30.00	
5	310453	Đỗ Minh Trí		23/03/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Châu Văn Đơ			NK	VH		4.25	2.00	2.30	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	15.0	TS1	1.0	24.55	
6	310454	Hồ Minh Trí		27/08/2009	Bạc Liêu	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.75	2.75	3.50	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0	VS1	1.0	33.00	
7	310455	Kha Quốc Trí		24/07/2009	Bạc Liêu	Hoa	THCS Vĩnh Phước 2			NK	KH		6.50	4.75	4.80	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	37.05	
8	310456	Son Thị Bảo Trinh	x	27/01/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.75	3.75	4.40	G	T	5.0	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	35.40	
9	310457	Son Thị Cẩm Trinh	x	09/09/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.50	3.00	3.60	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0	TS1	1.0	29.10	
10	310458	Trần Thị Mỹ Trinh	x	15/10/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		4.75	1.50	2.80	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0			25.05	
11	310459	Ngô Lê Thanh Trúc	x	27/09/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.00	3.50	2.30	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	27.80	
12	310460	Trịnh Phạm Thủy Trúc	x	19/12/2009	Bến Tre	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.50	3.00	1.90	G	T	5.0	G	T	5.0	K	T	4.5	K	T	4.5	19.0			28.40	
13	310461	Trương Nhất Trung		04/02/2009	An Giang	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.75	3.00	2.80	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			29.55	
14	310462	Lê Thành Trung		28/11/2009	Bạc Liêu	Kinh	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	HD		1.50	2.75	2.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	K	3.0	K	T	4.5	14.5	TS1	1.0	21.75	
15	310463	Lâm Minh Trường		20/06/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		5.50	3.50	2.40	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	TB	T	3.5	16.0	TS1	1.0	28.40	
16	310464	Nguyễn Ngọc Khả Tú	x	26/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		5.75	2.75	4.00	K	T	4.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	17.0			29.50	
17	310465	Nguyễn Thảo Tú	x	23/09/2009	Quảng Bình	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		7.00	5.75	8.60	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0			41.35	
18	310466	Huỳnh Anh Tuấn		15/05/2008	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.50	2.00	4.60	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0			27.10	
19	310467	Lê Duy Hoàng Tuấn		27/08/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		3.25	2.25	3.40	K	T	4.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	16.0			24.90	
20	310468	Thạch Thanh Tuấn		20/11/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Phường 2			NK	VH		2.75	1.00	1.00	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	TB	T	3.5	14.0	TS1	1.0	19.75	Không chế
21	310469	Diệp Trần Văn Tuấn		25/03/2009	Sóc Trăng	Hoa	PTCS Dân lập Bồi Thanh			NK	VH		4.50	3.25	2.30	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	TB	K	3.0	16.5	TS1	1.0	27.55	
22	310470	Lê Minh Tường		20/01/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Hiệp			NK	KH		6.00	4.75	4.00	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	18.5			33.25	
23	310471	Trang Ái Tuyền	x	17/07/2009	Sóc Trăng	Hoa	THCS Vĩnh Hải			NK	VH		5.25	3.50	4.40	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	G	T	5.0	20.0	TS1	1.0	34.15	
24	310472	Lâm Ngọc Tuyền		29/12/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		6.25	4.50	4.70	K	T	4.5	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.0			34.45	
25	310473	Mai Ngọc Tuyền	x	28/06/2009	Sóc Trăng	Kinh	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.50	3.75	5.30	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0			31.55	
26	310474	Trần Thị Bích Tuyền	x	18/12/2009	Sóc Trăng	Khmer	THCS Vĩnh Phước 2			NK	LH		4.00	2.25	2.40	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	K	T	4.5	18.0	TS1	1.0	27.65	
27	310475	Lâm Thị Thanh Tuyền	x	28/02/2009	Sóc Trăng	Khơ-me	THCS Vĩnh Tân			NK	LH		6.25	3.50	2.50	G	T	5.0	K	T	4.5	G	T	5.0	G	T	5.0	19.5	TS1	1.0	32.75	
28	310476	Huỳnh Ánh Tuyết	x	01/12/2009	Bạc Liêu	Khmer	THCS Châu Văn Đơ			NK	KH		4.50	2.25	2.20	TB	T	3.5	TB	T	3.5	K	T	4.5	K	T	4.5	16.0	TS1	1.0	25.95	

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL + Ưu tiên
Điều kiện: Min(Văn, Toán, Anh) >= 1.5

Chủ tịch Hội đồng chấm thi xác nhận:

Bảng này có.....chỗ sửa
 Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:

 Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 06 năm 2024

Sóc Trăng, ngày tháng 06 năm 2024

Những người đọc và kiểm tra
(Họ tên và ký)

Phụ trách máy tính

- 1)Lâm Quang Khải
- 2)Trương Giang Đông

Hồ Hưng Phát

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM

Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

NGUYỄN MINH HOÀNG

Trang: [18/19]

Ghi chú: Tổng điểm = Văn + Toán + Anh + HTRL + Ưu tiên
Điều kiện: $\text{Min}(\text{Văn}, \text{Toán}, \text{Anh}) \geq 1.5$

Bảng này có.....chỗ sửa
 Có.....thí sinh vắng khi thi gồm các SBD sau:

 Có.....thí sinh vi phạm quy chế gồm các SBD sau:

NGUYỄN MINH HOÀNG

Duyệt của Lãnh đạo Sở GDĐT

Phụ trách máy tính

(Họ tên và ký)

1)Lâm Quang Khải
2)Trương Giang Đông

Hồ Hưng Phát